

CTCP Vận tải biển Global (HNX: PCT)

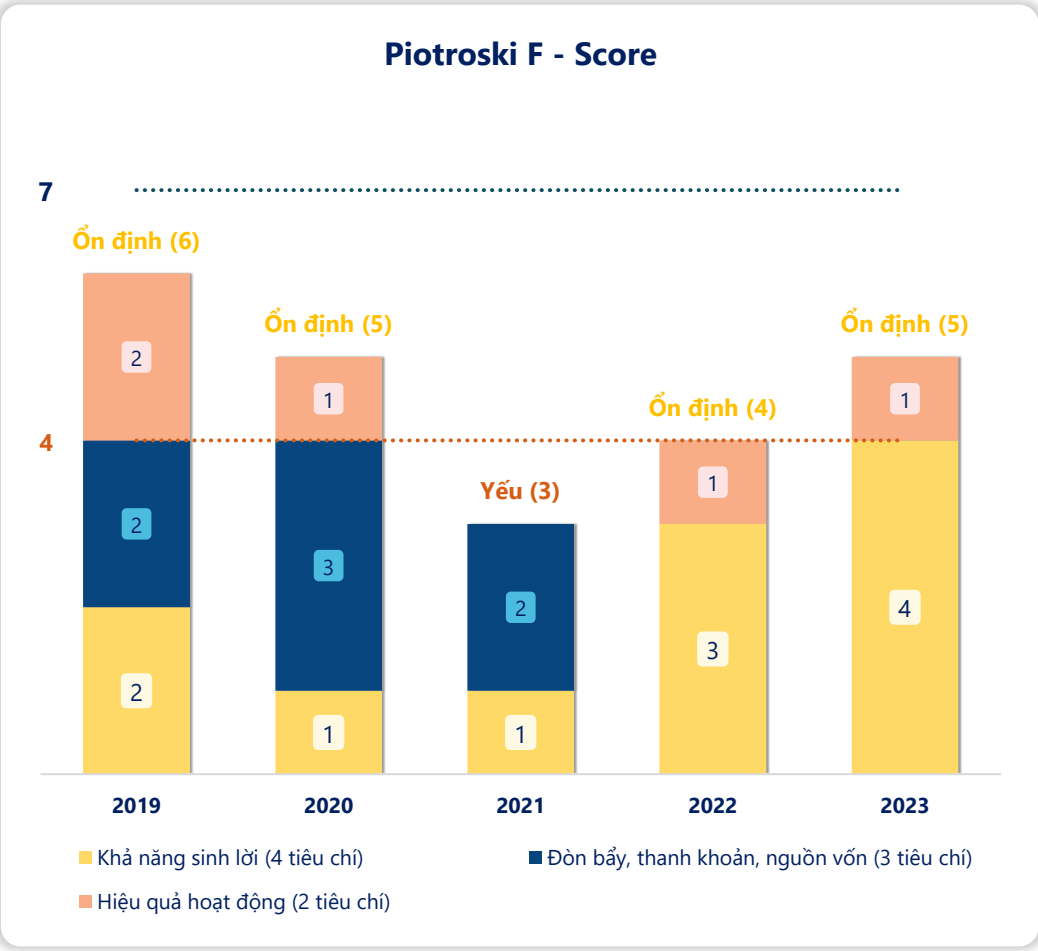
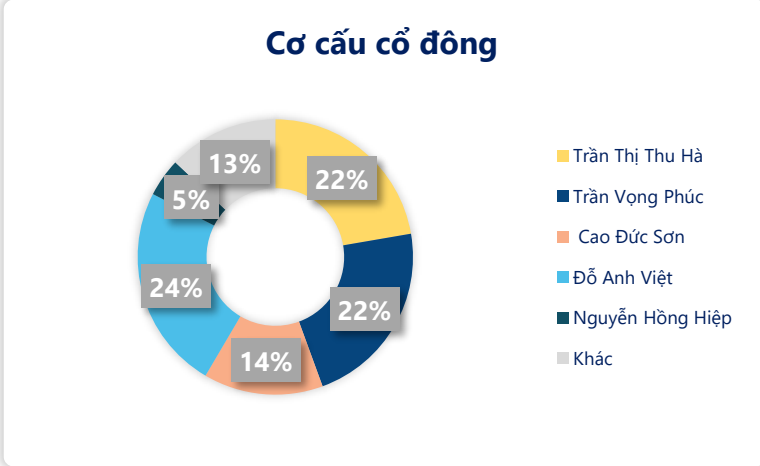
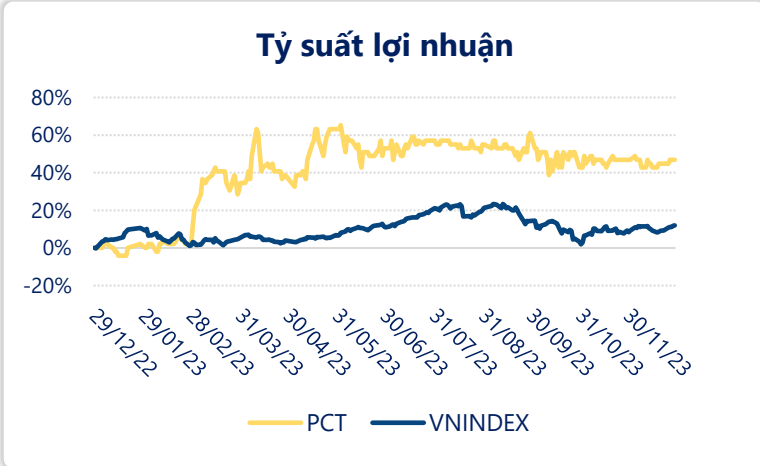
Bảng điểm Piotroski F-Score đánh giá sức khỏe tài chính của doanh nghiệp về tỷ suất lợi nhuận, cơ cấu vốn, tính thanh khoản và hiệu quả hoạt động. Thành phần của Piotroski F-Score gồm 9 chỉ tiêu tài chính, tương ứng với thang điểm từ 0 đến 9.

Ngày	7,200 VNĐ		
29/12/2023			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-1.4%	-1.4%	-2.7%

Sức mạnh tài chính	2023
Piotroski F - Score	5/9
2023	(Ổn định)

DT thuần	2023
409	YoY
tỷ VNĐ	▲ 104
	▲ 34.1%

LN sau thuế	2023
37.7	YoY
tỷ VNĐ	▲ 23.5
	▲ 166%

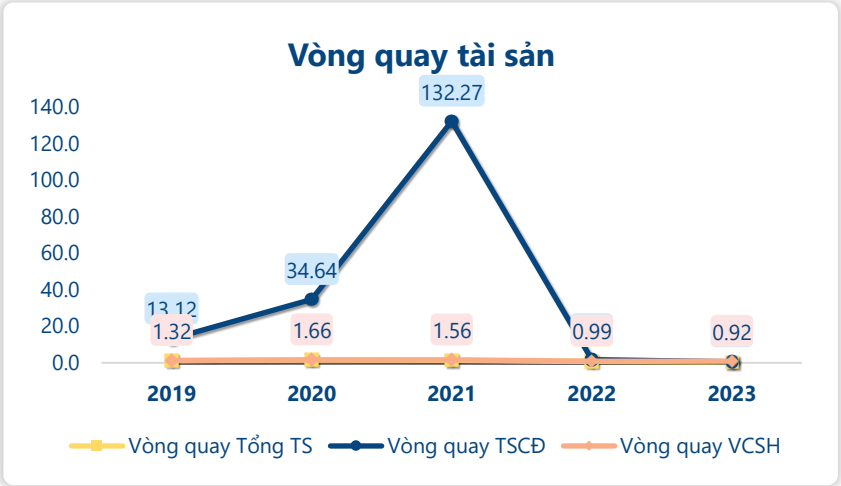
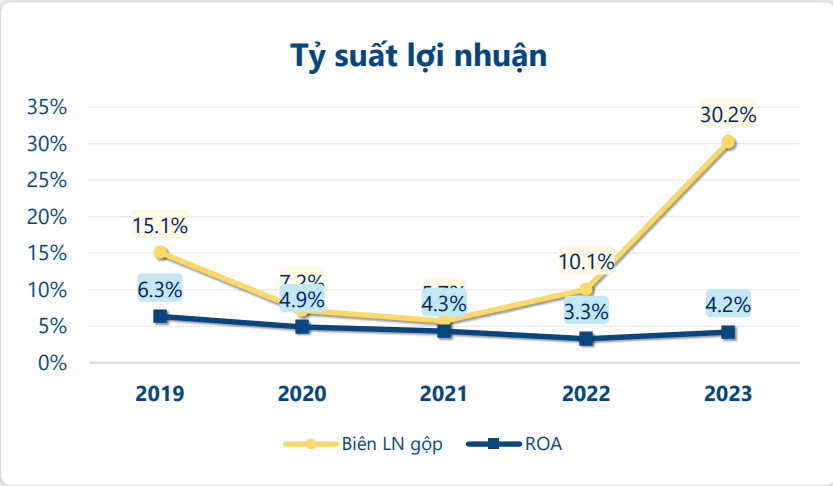
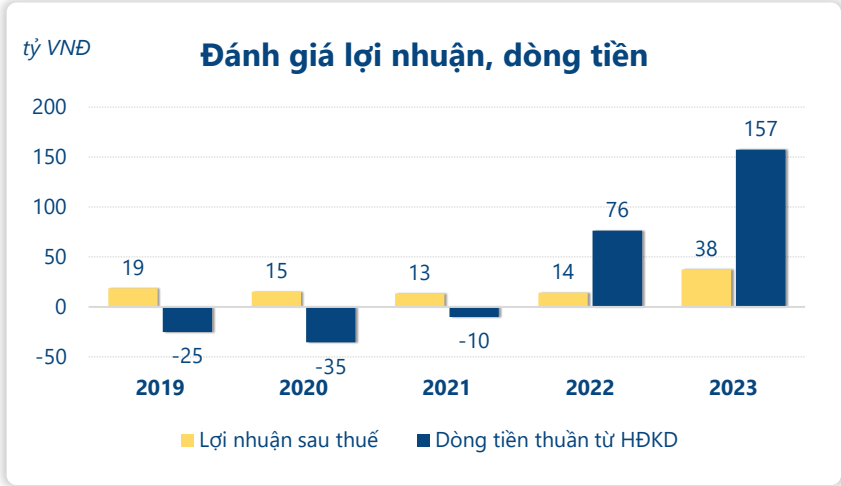


Năm 2023, F-Score của PCT đạt 5/9 cao hơn năm trước nhưng sức khỏe tài chính vẫn thuộc vùng "ổn định".

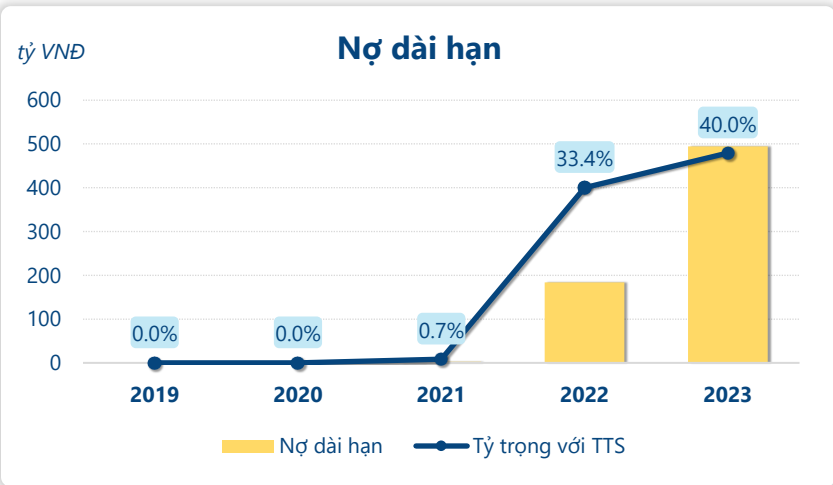
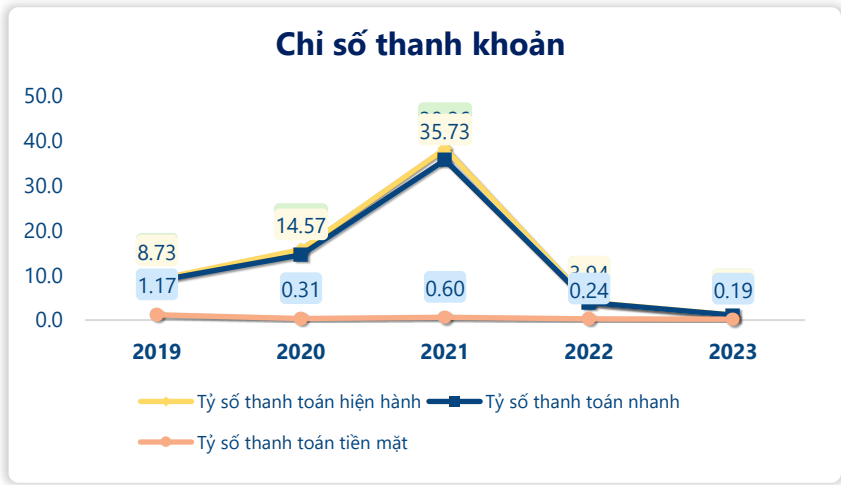
Trong đó, khả năng sinh lời được cải thiện tăng lên 4/4 điểm, các tiêu chí về: đòn bẩy, thanh khoản, nguồn vốn không đạt tiêu chí nào 0/3. Và tiêu chí về hiệu quả hoạt động, đạt điểm 1/2 ở mức ổn định so với năm trước.

Với F-Score ở mức ổn định cho thấy có một số yếu tố tích cực trong tình hình tài chính và hoạt động của công ty, nhưng vẫn còn một số yếu tố cần cải thiện để cải thiện sức khỏe tài chính và tăng cường hiệu quả hoạt động.

CTCP Vận tải biển Global (HNX: PCT)



Xét các tiêu chí thành phần của F-Score năm 2023 của PCT: Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh lớn hơn lợi nhuận sau thuế và 2 chỉ tiêu này đều dương là một tín hiệu tích cực cho thấy công ty có chất lượng lợi nhuận tốt và duy trì hoạt động kinh doanh một cách bền vững. Sự tăng trưởng của ROA phản ánh công ty đang tạo ra lợi nhuận tốt hơn từ mỗi đơn vị tài sản sử dụng. Tỷ lệ nợ dài hạn so với tổng tài sản tăng có thể tạo ra mức độ phụ thuộc cao hơn vào vốn vay dài hạn, làm tăng rủi ro tài chính cho doanh nghiệp. Tuy nhiên cũng có thể phản ánh chiến lược tài chính hoặc nhu cầu vốn vay để đầu tư và mở rộng hoạt động. Sự suy giảm của tỷ số thanh toán hiện hành có thể gây lo ngại về khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ ngắn hạn, tuy nhiên cũng cần phân tích kỹ hơn để hiểu rõ nguyên nhân của sự suy giảm này. Công ty phát hành cổ phiếu trong kỳ có thể dẫn đến EPS bị pha loãng, làm giảm giá trị cổ phiếu và giảm sự hấp dẫn của công ty đối với các nhà đầu tư.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
Tổng tài sản	1,239	552	124%
Tài sản ngắn hạn	192	210	-8.4%
Tiền và tương đương tiền	32.4	12.9	152%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	54.2	166	-67.4%
Hàng tồn kho	5.21	1.73	200%
Tài sản ngắn hạn khác	100	28.8	249%
Tài sản dài hạn	1,046	342	206%
Phải thu dài hạn	2.20	0	
Tài sản cố định	1,034	341	204%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.67	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	9.03	1.62	457%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	663	237	180%
Nợ ngắn hạn	168	52.7	218%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	155	46.0	236%
Phải trả người bán ngắn hạn	6.54	3.18	106%
Nợ dài hạn	495	184	169%
Vay và nợ thuê dài hạn	495	184	169%
Nguồn vốn chủ sở hữu	576	315	82.8%
Vốn chủ sở hữu	576	315	82.8%
Vốn điều lệ	500	276	81.3%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	353	470	464	305	409
Giá vốn hàng bán	300	437	438	275	286
Lợi nhuận gộp	53.2	33.7	26.5	30.7	124
Doanh thu HĐTC	1.20	4.38	2.60	1.82	3.66
Chi phí TC	0.76	0.22	0.50	4.92	68.8
Chi phí lãi vay	0	0	0.17	4.42	67.6
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	30.2	12.5	11.9	9.77	12.2
LN thuần từ HĐKD	23.5	25.4	16.7	17.9	46.4
Lợi nhuận khác	0.92	-6.28	0.61	0.01	0.73
LN trước thuế	24.4	19.1	17.3	17.9	47.1
Lợi nhuận sau thuế	18.7	15.1	13.5	14.2	37.7
LNST của CĐ cty mẹ	18.7	15.1	13.5	14.2	37.7

LƯU CHUYỂN TIỀN 1 (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-25.1	-35.5	-9.98	76.3	157
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.47	6.51	6.12	-296	-781
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	2.64	228	643
Tiền đầu kỳ	58.7	35.0	6.08	4.86	12.9
Lưu chuyển tiền thuần	-23.6	-29.0	-1.22	8.20	19.5
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	-0.19	0.01
Tiền cuối kỳ	35.0	6.08	4.86	12.9	32.4